

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
1	CH280005	Lê Thị Thúy	An	18/10/1989	CH28KTKT(CTA)	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
2	CH290003	Nguyễn Thúy Ngân	An	10/08/1997	K29A	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
3	CH290002	Nguyễn Diệu	An	18/11/1996	K29A	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
4	CH290197	Nguyễn Thị Thanh	An	08/03/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
5	CH290491	Lê Thị Thúy	An	01/06/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
6	CH291050	Nguyễn Thị Hải	An	24/05/1998	K29X	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
7	CH280454	Đàm Hồng	Anh	13/09/1995	CH28QTNL	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
8	CH290007	Hoàng Thị Vân	Anh	18/09/1996	K29A	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
9	CH290780	Ngô Thị Kim	Anh	21/01/1995	K29A	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
10	CH290172	Đinh Thị Minh	Anh	26/02/1997	K29B	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
11	CH290280	Đỗ Tuyết	Anh	29/07/1990	K29B	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
12	CH290942	Bùi Đức	Anh	15/11/1994	K29B	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
13	CH291032	Đỗ Thị Vân	Anh	02/05/1996	K29C	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
14	CH290499	Hoàng Phương	Anh	06/08/1985	K29D	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
15	CH290516	Phạm Trần Tuấn	Anh	27/06/1994	K29D	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
16	CH290097	Nguyễn Nhật	Anh	26/06/1997	K29E	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
17	CH290118	Lý Hoàng Nhật	Anh	28/04/1986	K29E	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
18	CH290466	Nguyễn Quỳnh	Anh	03/01/1992	K29H	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
19	CH290279	Nguyễn Vũ	Anh	22/12/1981	K29J	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
20	CH290199	Ngô Phương	Anh	22/07/1996	K29K	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
21	CH290200	Phạm Thị Quỳnh	Anh	26/08/1997	K29K	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
22	CH290008	Phạm Thị Hồng	Anh	01/01/1995	K29K	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
23	CH290518	Lê Ngọc	Anh	29/08/1996	K29L	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
24	CH290501	Dương Quỳnh	Anh	06/11/1996	K29M	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
25	CH290502	Nguyễn Thị Phương	Anh	29/01/1996	K29M	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
26	CH290498	Nguyễn Việt	Anh	13/05/1995	K29M	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
27	CH290493	Trần Mai	Anh	29/07/1996	K29M	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
28	CH290089	Vũ Đức	Anh	01/09/1994	K29N	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
29	CH290519	Lê Trâm	Anh	26/03/1997	K29N	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
30	CH290513	Nguyễn Hiệp	Anh	06/04/1994	K29N	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
31	CH290781	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/12/1997	K29P	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
32	CH290782	Bùi Thị Vân	Anh	29/10/1997	K29P	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
33	CH290899	Nguyễn Thị Lan	Anh	03/12/1998	K29Q	CĐR - ThS	1	B-101	Sáng
34	CH291188	Hoàng Hải	Anh	01/10/1998	K29R	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
35	CH290875	Đào Phương	Anh	13/10/1997	K29T	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
36	CH290941	Lê Thị Vân	Anh	10/10/1998	K29T	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
37	CH290876	Bùi Thị Vân	Anh	21/07/1975	K29T	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
38	CH290149	Trần Thị Vân	Anh	11/09/1995	K29TB_LKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
39	CH290148	Vũ Thế	Anh	14/05/1980	K29TB_LKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
40	CH290170	Trần Thị Kim	Anh	10/10/1973	K29TB_LKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
41	CH290898	Đỗ Tuấn	Anh	12/09/1981	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
42	CH290897	Phạm Tuấn	Anh	27/08/1995	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
43	CH290494	Lương Thị Vân	Anh	12/05/1996	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
44	CH290497	Đoàn Quốc	Anh	19/10/1990	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
45	CH290492	Phạm Ngọc	Anh	21/04/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
46	CH290900	Lê Thùy	Anh	16/06/1998	K29V_QLKT	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
47	CH290944	Lê Đoàn Trung	Anh	02/10/1995	K29V_QTDN	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
48	CH291054	Trần Thị Mai	Anh	22/04/1997	K29X	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
49	CH291051	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/06/1993	K29X	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
50	CH291055	Đặng Phương	Anh	03/04/1998	K29X	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
51	CH291061	Bùi Đỗ Lan	Anh	12/08/1997	K29Y	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
52	CH291062	Phạm Quang	Anh	21/12/1998	K29Y	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
53	CH291059	Nguyễn Tuấn	Anh	09/01/1986	K29Y	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
54	CH291053	Phạm Đức	Anh	13/11/1996	K29Y	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
55	CH291058	Vũ Nhật	Anh	04/11/1996	K29Y	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
56	CH290503	Phạm Quỳnh	Anh	21/05/1997	K29M	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
57	CH280515	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/10/1996	CH28TCNH(BTB)	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
58	CH290123	Đỗ Phúc	Ánh	04/03/1993	K29E	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
59	CH290520	Trần Minh	Ánh	02/04/1997	K29N	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
60	DHCC7104	Đào Xuân	Ban	12/20/1976	Lãnh đạo NN K7	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
61	CH290995	Nguyễn Hữu	Bằng	16/01/1985	K29V	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
62	CH270037	Đặng Lam	Bình	28/11/1994	K27G	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
63	CH280522	Hoàng Trọng	Bình	11/05/1992	K29D	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
64	CH290522	Đào Thị	Bình	24/02/1995	K29M	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
65	CH290841	Nguyễn Thị	Bình	25/12/1998	K29R	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
66	CH290837	Nguyễn Đức	Bình	02/12/1994	K29R	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
67	CH290523	Nguyễn Thị Thu	Bình	01/04/1996	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	2	B-102	Sáng
68	CH290901	Phạm Thái	Bình	27/05/1995	K29V	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
69	CH291033	Phan Thị Thanh	Bình	01/06/1991	K29V	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
70	DHCC9103	Nguyễn Thanh	Bình	17/03/1973	Lãnh đạo NN K9	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
71	CH290525	Nguyễn Thị Thu	Cẩm	20/11/1997	K29L	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
72	CH290527	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	11/12/1996	K29M	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
73	CH290526	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	11/12/1996	K29N	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
74	CH290087	Đào Linh	Chi	26/11/1997	K29F	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
75	CH290379	Mã Hoàng Huệ	Chi	19/12/1991	K29G	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
76	CH290351	Lê Thị Kim	Chi	16/10/1979	K29G	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
77	CH290530	Nguyễn Vũ Quỳnh	Chi	19/09/1995	K29M	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
78	CH290529	Đỗ Linh	Chi	03/11/1997	K29N	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
79	CH290878	Đỗ Thị Linh	Chi	27/07/1996	K29T	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
80	CH290996	Tạ Ngọc	Chi	23/07/1992	K29V	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
81	CH290531	Trần Thị Phương	Chi	06/05/1985	K29V_TCNH	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
82	CH291064	Vũ Vân	Chi	01/05/1992	K29X	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
83	CH290275	Nguyễn Thị	Chiên	08/12/1986	K29J	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
84	CH290202	Nguyễn Đức	Chính	20/10/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
85	CH291034	Vũ Thị Thanh	Chung	05/08/1985	K29V	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
86	CH290989	Phùng Thị	Chung	09/12/1998	K29V	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
87	CH291069	Trần Khắc	Chung	02/06/1987	K29V_TCNH	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
88	CH291067	Phan Tiến	Chung	22/04/1998	K29X	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
89	CH291070	Lều Thị	Chuyên	22/02/1988	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
90	CH290016	Trịnh Cao	Cường	06/12/1990	K29A	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
91	CH290103	Trần Mạnh	Cường	22/02/1997	K29D	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
92	CH290102	Nguyễn Mạnh	Cường	09/03/1997	K29E	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
93	CH290281	Nguyễn Hùng	Cường	01/11/1986	K29J	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
94	CH290533	Nguyễn Đức	Cường	09/04/1996	K29M	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
95	CH290205	Trương Văn	Cường	05/09/1978	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
96	CH290204	Nhâm Sỹ	Cường	17/10/1997	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
97	CH290283	Trần Văn	Cường	20/10/1992	K29V_QTDN	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
98	CH290947	Đào Văn	Cường	02/10/1994	K29V_QTDN	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
99	CH291072	Nguyễn Thế	Cường	15/01/1995	K29X	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
100	CH291073	Nguyễn Minh	Cường	23/12/1996	K29Z	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
101	CH290391	Nguyễn Tiến	Đạt	01/12/1987	K29H	CĐR - ThS	3	B-103	Sáng
102	CH290544	Thái Bá	Đạt	31/12/1996	K29M	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
103	CH290867	Bùi Văn	Đạt	15/10/1988	K29TB_LKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
104	CH290545	Phạm Duy	Đạt	16/01/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
105	CH290948	Trần Văn Sỹ	Đạt	07/04/1996	K29V_QTDN	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
106	CH290017	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	26/11/1997	K29A	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
107	CH291074	Trần Công	Diễn	21/01/1987	K29Z	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
108	CH290208	Nguyễn Ba	Đình	13/01/1987	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
109	CH291075	Phạm Hồng	Doanh	16/06/1997	K29X	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
110	CH290174	Phạm Minh	Đức	06/12/1995	K29G	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
111	DHCC8105	La Quốc	Đức	19/09/1980	Lãnh đạo DN K8	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
112	DHCC9312	Nguyễn Minh	Đức	17/09/1986	Lãnh đạo DN B K9	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
113	CH290788	Doãn Thị Thùy	Dung	26/10/1995	K29A	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
114	CH290142	Bùi Thị Lan	Dung	09/06/1993	K29G	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
115	CH290352	Nguyễn Thị	Dung	08/02/1989	K29G	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
116	CH291078	Võ Thị Thùy	Dung	01/11/1995	K29Z	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
117	CH290468	Nguyễn Việt	Dũng	22/01/1997	K29H	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
118	CH290343	Nguyễn Trung	Dũng	12/07/1979	K29J	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
119	CH290539	Hoàng Minh	Dũng	26/05/1997	K29L	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
120	CH290541	Ngô Tiến	Dũng	18/09/1996	K29L	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
121	CH290950	Nguyễn Duy	Dũng	08/05/1995	K29T	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
122	CH290151	Tô Tuấn	Dũng	25/09/1977	K29TB_LKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
123	CH290903	Đỗ Văn	Dũng	18/06/1984	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
124	CH291079	Phạm Tuấn	Dũng	30/01/1998	K29Z	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
125	CH291080	Đồng Việt	Dũng	21/12/1998	K29Z	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
126	DHCC7115	Mai Anh	Dũng	10/18/1988	Lãnh đạo NN K7	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
127	CH280561	Nguyễn Thùy	Dương	13/08/1995	CH28TCNH(CTA)	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
128	CH270509	Phạm Thùy	Dương	25/10/1994	K27R	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
129	CH290543	Phạm Tuấn	Dương	06/12/1996	K29D	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
130	CH290189	Nguyễn Hoàng	Dương	19/08/1996	K29K	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
131	CH290542	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/12/1995	K29M	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
132	CH290893	Võ Thuý	Dương	03/10/1990	K29Q	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
133	CH290951	Bùi Vĩnh	Dương	05/05/1996	K29T	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
134	CH290152	Vũ Đại	Dương	22/08/1973	K29TB_LKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
135	CH290171	Cao Thị Thùy	Dương	02/10/1993	K29TB_LKT	CĐR - ThS	4	B-104	Sáng
136	CH291035	Hoàng Phúc	Duy	13/10/1997	K29C	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
137	CH290535	Nguyễn Hoàng	Duy	15/11/1996	K29M	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
138	CH290206	Nguyễn	Duy	02/04/1991	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
139	CH290997	Đỗ Hoàng	Duy	22/06/1997	K29V	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
140	CH291081	Phùng Lương	Duy	09/08/1997	K29X	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
141	CH291082	Nguyễn Bằng	Duy	26/03/1995	K29Y	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
142	CH290537	Nguyễn Thị Mai	Duyên	24/04/1983	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
143	CH291084	Đỗ Thị Hồng	Duyên	16/11/1994	K29Y	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
144	CH290550	Phạm Trường	Giang	03/05/1995	K29D	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
145	CH290549	Tô Mỹ	Giang	27/11/1993	K29D	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
146	CH290119	Nguyễn Đức	Giang	30/08/1998	K29E	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
147	CH291036	Mai Hương	Giang	14/11/1992	K29V	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
148	CH290287	Bùi Hồng	Giang	28/06/1979	K29V_QTDN	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
149	CH291085	Phạm Tiến	Giang	05/02/1994	K29X	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
150	CH291086	Trần Thị Hương	Giang	16/11/1998	K29Y	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
151	CH290392	Nguyễn Lê	Hà	29/04/1991	K29H	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
152	CH290555	Nguyễn Thị Phi	Hà	05/09/1990	K29N	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
153	CH290905	Trương Trọng	Hà	17/08/1981	K29Q	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
154	CH290554	Lương Thị	Hà	20/12/1982	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
155	CH290553	Vũ Thu	Hà	23/12/1995	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
156	CH290999	Trịnh Thị Sơn	Hà	02/04/1997	K29V	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
157	CH291088	Lê Thị Việt	Hà	10/02/1989	K29V_TCNH	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
158	CH291089	Nguyễn Thị Việt	Hà	16/09/1996	K29V_TCNH	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
159	CH290906	Trần Thanh	Hải	25/04/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
160	CH290212	Hoàng Thị	Hải	19/06/1988	K29V_QLKT	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
161	CH291091	Nguyễn Thanh	Hải	13/11/1990	K29Z	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
162	CH291090	Phạm Việt	Hải	01/08/1995	K29Z	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
163	CH290120	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/07/1996	K29E	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
164	CH290367	Dương Thị Thuý	Hằng	19/11/1995	K29G	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
165	CH290395	Phạm Thị Thanh	Hằng	27/12/1997	K29H	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
166	CH290848	Nguyễn Thị Ánh	Hằng	22/09/1985	K29R	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
167	CH290213	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/1984	K29V_QLKT	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
168	CH290953	Đặng Thị	Hằng	16/10/1994	K29V_QTDN	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
169	CH290290	Phan Thị	Hằng	10/12/1982	K29V_QTDN	CĐR - ThS	5	B-105	Sáng
170	CH291092	Đường Minh	Hằng	23/06/1996	K29V_TCNH	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
171	CH290792	Phạm Thị Hồng	Hạnh	01/06/1989	K29A	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
172	CH290366	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	08/01/1995	K29G	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
173	CH290153	Nguyễn Đăng	Hạnh	07/06/1993	K29TB_LKT	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
174	CH290562	Trần Thị Mỹ	Hạnh	12/02/1984	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
175	CH291038	Phạm Thị	Hạnh	01/06/1998	K29V	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
176	CH291002	Hoàng Mỹ	Hạnh	30/04/1992	K29V	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
177	CH290907	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	25/05/1988	K29V_QLKT	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
178	CH290563	Bùi Thị	Hạnh	04/09/1994	K29V_TCNH	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
179	CH291095	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18/02/1996	K29X	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
180	CH291096	Lưu Hồng	Hạnh	01/02/1997	K29X	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
181	CH291097	Vũ Văn	Hào	09/12/1991	K29X	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
182	CH290559	Cao Diệu	Hào	02/12/1986	K29L	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
183	DHCC8211	Nguyễn Phương	Hào	03/02/1982	Lãnh đạo NN K8	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
184	CH290381	Bùi Thị Thu	Hiền	22/07/1992	K29G	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
185	CH290175	Vũ Thu	Hiền	27/09/1987	K29G	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
186	CH290470	Trần Thanh	Hiền	29/07/1997	K29H	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
187	CH290292	Trần Thị	Hiền	20/01/1993	K29J	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
188	CH290565	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/02/1996	K29L	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
189	CH291003	Nguyễn Thanh	Hiền	10/05/1997	K29V	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
190	CH290567	Trần Thị Thu	Hiền	24/08/1991	K29V_TCNH	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
191	CH291098	Nguyễn Minh	Hiền	29/04/1995	K29Z	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
192	CH290908	Nguyễn Đức	Hiền	02/03/1993	K29Q	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
193	CH261495	Nguyễn Xuân	Hiệp	32728	K26	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
194	CH290568	Vũ Thị	Hiệp	24/12/1994	K29M	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
195	CH290029	Nguyễn Huy	Hiếu	25/07/1981	K29A	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
196	CH290442	Đặng Huy	Hiếu	09/06/1984	K29C	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
197	CH290768	Nguyễn Xuân	Hiếu	11/02/1998	K29E	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
198	CH290032	Lê Xuân	Hiếu	05/11/1997	K29F	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
199	CH290214	Nguyễn Văn	Hình	25/04/1996	K29K	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
200	CH290294	Nguyễn Hà Quỳnh	Hoa	30/08/1992	K29B	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
201	CH290353	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	27/10/1980	K29G	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
202	CH290765	Đinh Thị Hồng	Hoa	25/04/1997	K29L	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
203	CH290037	Nguyễn Thị	Hòa	02/01/1997	K29A	CĐR - ThS	6	B-106	Sáng
204	CH290572	Phạm Hải	Hòa	28/11/1992	K29N	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
205	CH290215	Nguyễn Thị Thu	Hoài	21/09/1991	K29V_QLKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
206	CH290125	Nguyễn Đức	Hoàn	10/11/1997	K29E	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
207	CH290990	Trần Như	Hoàn	14/09/1993	K29V	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
208	CH290036	Dương Bảo	Hoàng	17/09/1992	K29A	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
209	CH290295	Trần Minh	Hoàng	24/07/1991	K29B	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
210	CH291004	Lê Minh	Hoàng	02/01/1994	K29C	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
211	CH290570	Nguyễn Lục Gia	Hoàng	26/11/1993	K29D	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
212	CH290842	Trần Việt	Hoàng	25/11/1998	K29R	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
213	CH290851	Nguyễn Việt	Hoàng	19/10/1998	K29V	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
214	CH290909	Đặng Thái	Hoàng	08/06/1997	K29V_QLKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
215	CH290155	Phạm Văn	Hoàng	26/05/1991	K29TB_LKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
216	CH291099	Đặng Đình	Hoạt	20/07/1998	K29X	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
217	CH290297	Nguyễn Duy	Học	30/09/1991	K29J	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
218	CH290860	Phan Thị Thanh	Hòa	19/01/1993	K29V_QLKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
219	CH291102	Trần Lam	Hồng	18/10/1986	K29V_TCNH	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
220	CH291100	Phạm Thị	Hồng	05/02/1992	K29X	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
221	CH291101	Phan Nhật	Hồng	28/10/1998	K29Z	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
222	CH280856	Từ Tiến	Hợp	16/12/1995	CH28HT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
223	CH270342	Nguyễn Tiến	Huân	12/01/1993	K27Q	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
224	CH290156	Vũ Thị	Huế	04/04/1990	K29TB_LKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
225	CH290574	Trần Thị	Huế	14/04/1991	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
226	CH291005	Đinh Thị	Huế	01/11/1997	K29V	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
227	CH290126	Vương Văn	Hùng	23/12/1996	K29E	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
228	CH290299	Nguyễn Xuân	Hùng	27/11/1997	K29J	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
229	CH290583	Phạm Mạnh	Hùng	22/11/1995	K29M	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
230	CH290582	Đinh Việt	Hùng	03/08/1987	K29N	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
231	CH290954	Lê Thế	Hùng	10/07/1977	K29T	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
232	CH290221	Lưu Mạnh	Hùng	20/12/1980	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
233	CH290910	Đỗ Thế	Hùng	03/08/1993	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
234	CH290581	Phạm Đức	Hùng	11/11/1981	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
235	DHCC7213	Lê Quang	Hùng	01/17/1982	Lãnh đạo DN B K7	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
236	DHCC9327	Trần Mạnh	Hùng	16/06/1974	Lãnh đạo DN B K9	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
237	CH290301	Phạm Công	Hưng	18/12/1995	K29J	CĐR - ThS	7	B-107	Sáng
238	CH290302	Đặng Quang	Hưng	18/12/1985	K29J	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
239	CH290300	Hoàng Ngọc	Hưng	03/10/1994	K29J	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
240	CH290223	Trần Duy	Hưng	22/11/1984	K29K	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
241	CH290584	Nguyễn Phúc	Hưng	22/08/1996	K29L	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
242	CH291006	Trịnh Quang	Hưng	06/04/1998	K29V	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
243	CH290955	Nguyễn Đức	Hưng	21/07/1996	K29V_QTDN	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
244	CH290586	Lê Quỳnh	Hưng	03/11/1984	K29V_TCNH	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
245	CH290270	Mai Xuân	Hưng	05/09/1992	K29K	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
246	CH290585	Hà Văn	Hưng	13/02/1985	K29D	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
247	CH290588	Mai Thu	Hương	08/07/1981	K29C	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
248	CH290144	Lê Quỳnh	Hương	31/10/1997	K29G	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
249	CH290276	Hồ Hoàng	Hương	13/11/1995	K29J	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
250	CH290225	Nghiêm Thị Thu	Hương	31/12/1980	K29Q	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
251	CH290881	Đinh Thị Thu	Hương	08/11/1988	K29T	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
252	CH291103	Tô Mai	Hương	24/09/1998	K29X	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
253	CH291104	Lã Thị Thu	Hương	21/11/1996	K29Z	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
254	CH290045	Phí Thị Tuyết	Hường	19/10/1996	K29F	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
255	CH290369	Đào Thu	Hường	27/10/1997	K29G	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
256	CH290277	Lê Thị Thu	Hường	21/04/1997	K29J	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
257	CH291039	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/04/1993	K29V	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
258	CH291106	Phùng Thị Ánh	Hường	26/09/1991	K29Y	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
259	CH291107	Vũ San	Hữu	06/10/1998	K29X	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
260	CH270682	Nguyễn Ngọc	Huy	03/11/1994	K27M	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
261	CH290576	Nguyễn Quốc	Huy	24/08/1995	K29N	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
262	CH290218	Nguyễn Viết	Huy	14/07/1988	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
263	CH290217	Nguyễn Hữu	Huy	26/06/1978	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
264	CH290298	Trần Quang	Huy	13/07/1985	K29V_QTDN	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
265	CH291110	Phạm Võ	Huy	27/02/1986	K29V_TCNH	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
266	CH291108	Phạm Nhật	Huy	14/11/1996	K29Z	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
267	DHCC8114	Nguyễn Thanh	Huy	08/06/1974	Lãnh đạo NN K8	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
268	CH290579	Nguyễn Thu	Huyền	05/08/1992	K29D	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
269	CH290577	Đoàn Khánh	Huyền	05/03/1991	K29D	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
270	CH290040	Lê Bích	Huyền	20/09/1996	K29F	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
271	CH290355	Trần Thị Thu	Huyền	03/03/1987	K29G	CĐR - ThS	8	B-108	Sáng
272	CH290472	Bùi Ngọc	Huyền	12/08/1995	K29H	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
273	CH290578	Lại Thị Thanh	Huyền	20/01/1990	K29M	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
274	CH290220	Vũ Thị	Huyền	28/11/1981	K29Q	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
275	CH290838	Thân Ngọc	Huyền	09/12/1996	K29R	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
276	CH290957	Nguyễn Thị	Huyền	29/11/1994	K29T	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
277	CH291040	Nguyễn Thanh	Huyền	16/08/1995	K29V	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
278	CH290580	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	27/12/1996	K29V_TCNH	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
279	CH291111	Nguyễn Thị	Huyền	05/07/1995	K29X	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
280	CH291113	Phạm Thu	Huyền	20/08/1986	K29Z	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
281	CH291112	Dương Thị Khánh	Huyền	16/04/1998	K29Z	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
282	CH290042	Phan Thị	Huyền	11/07/1989	K29A	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
283	CH291114	Bùi Tuấn	Khang	18/05/1997	K29X	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
284	CH291115	Nguyễn Duy	Khanh	06/09/1993	K29X	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
285	CH290356	Phạm Quang	Khánh	21/08/1989	K29B	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
286	CH290127	Nguyễn Duy	Khánh	16/02/1997	K29E	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
287	CH290178	Ngô Minh	Khánh	14/12/1996	K29G	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
288	CH290913	Đỗ Ngọc	Khánh	25/08/1984	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
289	CH290592	Bùi Xuân	Khánh	24/10/1996	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
290	CH290775	Đỗ Đình	Khoa	19/12/1989	K29E	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
291	CH290226	Phạm Quỳnh	Khuê	23/04/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
292	CH290303	Hồ Văn	Khuong	24/10/1991	K29V_QTDN	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
293	CH290051	Cao Trung	Kiên	26/07/1993	K29A	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
294	CH290883	Nguyễn Trung	Kiên	10/05/1986	K29B	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
295	CH290595	Nguyễn Trung	Kiên	22/11/1994	K29D	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
296	CH290370	Vũ Trung	Kiên	30/04/1995	K29G	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
297	CH290958	Đỗ Trung	Kiên	18/07/1996	K29T	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
298	CH290882	Nguyễn Hoàng	Kiên	14/09/1997	K29T	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
299	CH290227	Tạ Trung	Kiên	23/12/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
300	CH290797	Trần Thanh	Lam	11/05/1997	K29A	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
301	CH290190	Bùi Mai	Lam	26/07/1986	K29K	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
302	CH291041	Phạm Thị Hồng	Lam	23/03/1996	K29V	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
303	CH290305	Nguyễn Tùng	Lâm	15/04/1993	K29J	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
304	CH290914	Đào Duy	Lâm	12/06/1979	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
305	CH290304	Nguyễn Thị Quỳnh	Lan	27/01/1994	K29B	CĐR - ThS	9	B-201	Sáng
306	CH290228	Nguyễn Phương	Lan	04/02/1985	K29K	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
307	CH290839	Trần Ngọc	Lan	29/04/1996	K29R	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
308	CH290959	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	20/01/1990	K29T	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
309	CH290982	Nguyễn Thị	Lanh	03/02/1990	K29V	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
310	CH291117	Phạm Ngọc	Lê	12/08/1989	K29V_TCNH	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
311	CH290960	Nguyễn Mai	Lê	26/11/1998	K29X	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
312	CH291118	Phạm Thị	Lê	17/08/1997	K29Y	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
313	CH291119	Nguyễn Thạch	Lê	13/08/1990	K29X	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
314	CH290371	Nguyễn Thanh	Liêm	31/01/1995	K29G	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
315	CH290598	Nguyễn Thị Hương	Liên	24/03/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
316	CH280473	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/08/1995	CH28QTNL	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
317	CH290799	Ngô Thị Thùy	Linh	08/05/1994	K29A	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
318	CH290801	Đỗ Thị Ngọc	Linh	20/08/1993	K29A	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
319	CH290399	Nguyễn Hùng	Linh	09/05/1993	K29C	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
320	CH290604	Nguyễn Mạnh	Linh	27/09/1991	K29D	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
321	CH290130	Vũ Diệu	Linh	16/05/1997	K29E	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
322	CH290129	Nguyễn Thùy	Linh	25/11/1992	K29E	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
323	CH290054	Bành Đặng Yến	Linh	03/05/1997	K29F	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
324	CH290180	Võ Duy	Linh	15/06/1996	K29G	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
325	CH290602	Nguyễn Thùy	Linh	21/03/1998	K29H	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
326	CH290400	Lê Diệu	Linh	06/08/1997	K29H	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
327	CH290309	Phạm Thùy	Linh	03/05/1995	K29J	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
328	CH290308	Mai Tuấn	Linh	01/01/1996	K29J	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
329	CH290306	Phạm Khánh	Linh	04/09/1995	K29J	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
330	CH290230	Trần Nhật	Linh	08/10/1995	K29K	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
331	CH290607	Võ Mỹ	Linh	09/09/1997	K29M	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
332	CH290610	Trần Thị Hà	Linh	05/03/1995	K29N	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
333	CH290608	Nguyễn Thị Thúy	Linh	14/08/1997	K29N	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
334	CH290800	Nguyễn Thùy	Linh	29/09/1998	K29P	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
335	CH290885	Khuong Mỹ	Linh	26/04/1996	K29T	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
336	CH290961	Phạm Thị Thùy	Linh	24/11/1996	K29T	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
337	CH290884	Nguyễn Thị Thuý	Linh	02/10/1984	K29T	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
338	CH290601	Nguyễn Tuấn	Linh	06/02/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
339	CH291008	Tạ Thùy	Linh	26/08/1994	K29V	CĐR - ThS	10	B-202	Sáng
340	CH290985	Lê Hoa	Linh	07/11/1997	K29V	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
341	CH290229	Nguyễn Tuấn	Linh	22/10/1992	K29V_QLKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
342	CH291121	Lê Thị Yến	Linh	01/10/1996	K29X	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
343	CH291120	Dương Thị Kiều	Linh	25/03/1998	K29Y	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
344	CH290372	Lê Diệu	Linh	15/01/1996	K29G	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
345	CH290158	Đặng Hồ	Linh	01/08/1976	K29TB_LKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
346	CH290915	Nguyễn Thanh	Loan	28/10/1984	K29Q	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
347	CH290160	Ngô Thị	Loan	04/08/1976	K29TB_LKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
348	CH291124	Phạm Thị	Loan	07/07/1990	K29Y	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
349	CH291125	Nguyễn Thị Kim	Loan	26/09/1986	K29Z	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
350	CH290769	Trần Văn	Lộc	18/04/1987	K29E	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
351	CH290962	Nguyễn Văn	Lộc	17/11/1996	K29V_QTDN	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
352	CH290231	Nguyễn Vũ	Long	11/01/1997	K29K	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
353	CH290612	Nguyễn Bảo	Long	27/05/1997	K29L	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
354	CH290840	Phan Hồng	Long	02/09/1988	K29R	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
355	CH290272	Nguyễn Xuân	Long	18/02/1980	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
356	DHCC8221	Nguyễn Đức	Long	10/11/1989	Lãnh đạo DN K8	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
357	CH290614	Nguyễn Quang	Luận	04/06/1990	K29N	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
358	CH290615	Nguyễn Khánh	Ly	31/12/1995	K29L	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
359	CH290616	Hoàng Hải	Ly	16/12/1990	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
360	CH290161	Nguyễn Thị	Lý	25/11/1984	K29TB_LKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
361	CH290056	Lê Thị Thanh	Mai	13/03/1983	K29A	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
362	CH290162	Trần Thị	Mai	27/10/1980	K29TB_LKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
363	CH290623	Tạ Thị Ngọc	Mai	25/10/1997	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
364	CH290402	Lưu Bá	Mạnh	23/11/1991	K29H	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
365	CH290624	Phạm Tiến	Mạnh	07/02/1992	K29L	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
366	CH290232	Đặng Thị	Mến	01/02/1986	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
367	CH290630	Nguyễn Thị Hồng	Minh	08/11/1987	K29N	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
368	CH290804	Nguyễn Quang	Minh	20/01/1998	K29P	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
369	CH290964	Nguyễn Nhật	Minh	13/05/1993	K29T	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
370	CH290163	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	21/02/1997	K29TB_LKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
371	CH290233	Vũ Xuân	Minh	15/10/1990	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
372	CH290625	Vi Ngọc	Minh	24/07/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
373	CH291130	Lê Quang	Minh	01/02/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	11	B-203	Sáng
374	CH290626	Phạm Bá	Minh	07/07/1997	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
375	CH291009	Hoàng Đức	Minh	11/09/1996	K29V	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
376	CH290311	Bùi Quang	Minh	15/08/1991	K29V_QTDN	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
377	CH290832	Hoàng Anh	Minh	21/01/1996	K29X	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
378	CH291127	Lê Đức	Minh	08/09/1998	K29X	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
379	CH291128	Tạ Thị Hồng	Minh	18/01/1996	K29Y	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
380	CH290234	Bùi Thị	Mùi	22/02/1991	K29V_QLKT	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
381	CH290403	Hoàng Thu Trà	My	10/06/1997	K29H	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
382	CH291131	Đỗ Trà	My	07/07/1994	K29X	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
383	CH290236	Phạm Thị	Mỹ	11/12/1984	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
384	CH290235	Trần Phong	Mỹ	28/02/1981	K29V_QLKT	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
385	CH290633	Trần Hoài	Nam	21/01/1983	K29D	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
386	CH290109	Đặng Thành	Nam	23/12/1994	K29E	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
387	CH290191	Nguyễn Hoài	Nam	28/02/1984	K29K	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
388	CH290238	Nguyễn Hoàng	Nam	30/04/1997	K29K	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
389	CH290405	Phạm Giang	Nam	15/11/1993	K29K	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
390	CH290869	Trần Hữu	Nam	24/10/1973	K29TB_LKT	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
391	CH290965	Hoàng Anh	Nam	15/09/1978	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
392	CH291132	Lê Hải	Nam	08/12/1997	K29X	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
393	CH291133	Đỗ Quang	Nam	19/09/1998	K29Z	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
394	CH291134	Đặng Vũ	Nam	10/03/1988	K29Z	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
395	DHCC7135	Đinh Xuân	Nam	04/10/1981	Lãnh đạo NN K7	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
396	CH290181	Trần Thu	Nga	24/10/1997	K29B	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
397	CH290634	Nguyễn Thị	Nga	09/01/1994	K29L	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
398	CH290636	Nguyễn Quỳnh	Nga	02/09/1994	K29L	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
399	CH291010	Lương Thị Thuý	Nga	28/11/1997	K29V	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
400	CH291136	Ngô Thị	Ngà	17/04/1993	K29T	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
401	CH291135	Trần Thị	Ngà	01/04/1995	K29V_TCNH	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
402	CH290637	Chu Thị	Ngân	02/07/1996	K29M	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
403	CH290966	Thái Thủy	Ngân	26/05/1990	K29V_QTDN	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
404	CH271303	Dương Đình	Nghị	29363	K27SL	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
405	CH290061	Trần Quang	Nghĩa	10/01/1994	K29F	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
406	CH290312	Trần Sỹ	Nghĩa	02/06/1989	K29V_QTDN	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
407	CH290360	Nguyễn Thị	Ngọc	01/03/1998	K29B	CĐR - ThS	12	B-204	Sáng
408	CH290640	Nguyễn Phương	Ngọc	26/07/1993	K29D	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
409	CH290642	Đặng Thị	Ngọc	29/09/1990	K29D	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
410	CH290408	Nguyễn Tuấn	Ngọc	08/08/1994	K29H	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
411	CH290314	Vũ Thị Minh	Ngọc	15/09/1994	K29J	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
412	CH290644	Đỗ Minh	Ngọc	14/08/1991	K29M	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
413	CH290643	Nguyễn Đầu Bảo	Ngọc	22/08/1995	K29N	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
414	CH290808	Trần Bích	Ngọc	13/02/1997	K29P	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
415	CH290967	Dương Trí	Ngọc	09/07/1992	K29T	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
416	CH290240	Lê Thị Bích	Ngọc	05/09/1984	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
417	CH290646	Trịnh Thị Minh	Ngọc	10/06/1994	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
418	CH290645	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	29/06/1993	K29V_TCNH	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
419	CH291139	Bùi Thị Hồng	Ngọc	26/08/1996	K29Z	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
420	CH290361	Đoàn Trần	Nguyên	09/12/1973	K29G	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
421	CH291140	Chu Thị	Nguyên	02/11/1990	K29X	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
422	CH290316	Nguyễn Hải	Nhân	28/12/1997	K29V_QTDN	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
423	CH290410	Phạm Tiến	Nhật	02/11/1997	K29C	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
424	CH290650	Trần Quang	Nhật	02/11/1995	K29D	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
425	CH290649	Huỳnh Ánh	Nhật	02/06/1997	K29N	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
426	CH290652	Trần Thị Quỳnh	Nhi	19/06/1996	K29D	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
427	CH290110	Phạm Phương	Nhi	25/03/1997	K29E	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
428	CH290317	Nguyễn Văn	Nhi	10/11/1997	K29J	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
429	CH290870	Nguyễn Thảo	Nhi	29/11/1995	K29TB_LKT	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
430	CH270099	Đào Thị	Nhinh	01/08/1980	K27H	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
431	CH290656	Đỗ Phương	Nhung	14/11/1997	K29D	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
432	CH290133	Nguyễn Hồng	Nhung	26/12/1997	K29E	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
433	CH290771	Vũ Thị	Nhung	04/03/1995	K29E	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
434	CH290384	Ngô Thị Hồng	Nhung	04/11/1996	K29G	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
435	CH290655	Phạm Huyền	Nhung	03/11/1992	K29L	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
436	CH290658	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	30/12/1994	K29L	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
437	CH290345	Lê Hồng	Nhung	07/08/1997	K29Q	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
438	CH290778	Trần Thị	Nhung	03/12/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
439	CH290660	Cao Thị Cẩm	Nhung	17/01/1996	K29V_TCNH	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
440	CH291141	Nguyễn Văn	Nhuong	20/04/1988	K29X	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
441	CH290661	Nguyễn Thị	Niêm	14/04/1991	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	13	B-206	Sáng
442	CH290664	Phan Thị Kim	Oanh	14/05/1988	K29D	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
443	CH290662	Nguyễn Thị	Oanh	08/08/1994	K29D	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
444	CH290241	Trần	Oanh	27/04/1979	K29V_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
445	CH291142	Lê Thị Kiều	Oanh	18/01/1983	K29X	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
446	CH290968	Nguyễn Nam	Phong	10/03/1990	K29T	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
447	CH290916	Đỗ Tuấn	Phong	22/11/1996	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
448	CH290665	Phan Văn	Phong	15/03/1990	K29V_TCNH	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
449	CH291143	Nguyễn Gia	Phú	17/04/1991	K29Y	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
450	CH290242	Nguyễn Duy	Phúc	09/01/1991	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
451	CH290811	Nguyễn Ngọc	Phuong	16/08/1989	K29A	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
452	CH290672	Nguyễn Thị Hoài	Phuong	10/05/1982	K29B	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
453	CH290671	Nguyễn Thu	Phuong	28/01/1997	K29D	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
454	CH290481	Trần Thái	Phuong	30/07/1996	K29H	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
455	CH290480	Trần Thị Hồng	Phuong	20/11/1995	K29H	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
456	CH290244	Nguyễn Thu	Phuong	19/10/1997	K29K	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
457	CH290164	Phạm Thị Lan	Phuong	25/01/1982	K29TB_LKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
458	CH290668	Nguyễn Thị Nam	Phuong	09/06/1997	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
459	CH290667	Nghiêm Đình	Phuong	19/04/1987	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
460	CH290669	Phạm Thị Thu	Phuong	07/01/1986	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
461	CH290243	Phạm Thị	Phuong	19/08/1991	K29V_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
462	CH291146	Trần Thị	Phuong	01/08/1990	K29Y	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
463	CH291145	Lê Thị Linh	Phuong	16/05/1997	K29Z	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
464	CH290678	Đỗ Phi	Phuơng	24/03/1997	K29L	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
465	CH290248	Vũ Hồng	Quân	01/08/1992	K29K	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
466	CH290136	Cung Đức	Quang	02/01/1992	K29E	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
467	CH290969	Lê Hồng	Quang	16/12/1982	K29T	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
468	CH290246	Nguyễn Đức	Quang	07/09/1986	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
469	CH290245	Nguyễn Như	Quang	27/12/1982	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
470	CH290247	Hoàng Văn	Quảng	05/03/1990	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
471	CH290250	Nguyễn Công	Quý	03/02/1982	K29K	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
472	CH290249	Trần Trọng	Quý	10/04/1989	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
473	CH290067	Phạm Thị Minh	Quyên	01/11/1996	K29F	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
474	CH290376	Nguyễn Lê Tú	Quyên	10/03/1998	K29G	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
475	CH290320	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	14/12/1989	K29B	CĐR - ThS	14	B-207	Sáng
476	CH290363	Nguyễn Hải	Quỳnh	18/12/1997	K29G	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
477	CH290970	Bùi Văn	Quỳnh	05/06/1988	K29T	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
478	CH290871	Nguyễn Cao	Sản	14/10/1965	K29TB_LKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
479	CH290184	Nguyễn Đình	Sang	14/07/1995	K29B	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
480	CH290918	Nguyễn Công Quốc	Sinh	01/03/1979	K29Q	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
481	CH290323	Trần Thanh	Son	26/11/1980	K29J	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
482	CH290321	Mai Hồng	Son	15/12/1997	K29J	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
483	CH290682	Nguyễn Hoàng	Son	15/02/1995	K29N	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
484	CH290252	Phùng Anh	Son	10/02/1980	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
485	CH290919	Đặng Thái	Son	20/11/1994	K29V_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
486	CH290683	Nguyễn Thanh	Son	21/11/1986	K29V_TCNH	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
487	CH290122	Nguyễn Minh	Tài	09/07/1997	K29E	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
488	CH290684	Trần Tuấn	Tài	30/04/1990	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
489	CH290766	Trương Anh	Tài	22/05/1989	K29V_TCNH	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
490	CH291150	Nguyễn Tiến	Tài	15/12/1993	K29X	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
491	CH290853	Vũ Minh	Tâm	07/05/1990	K29R	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
492	CH290920	Hồ Nghĩa	Tâm	17/08/1993	K29V_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
493	CH290253	Võ Thị Minh	Tâm	29/10/1997	K29V_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
494	CH291151	Ninh Thị Thanh	Tâm	22/12/1994	K29Y	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
495	CH290767	Nguyễn Ngọc	Tân	30/03/1996	K29N	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
496	CH291012	Vũ Trọng	Tân	05/08/1998	K29V	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
497	CH291152	Nguyễn Trung	Tấn	28/05/1981	K29Y	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
498	CH291013	Đỗ Hoàng	Thái	25/11/1991	K29V	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
499	CH290696	Đặng Anh	Thái	07/11/1993	K29V_TCNH	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
500	CH290256	Trần Thị Ngọc	Thân	15/08/1989	K29V_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
501	CH290255	Trần Bình	Thân	15/12/1975	K29V_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
502	CH290922	Chu Nhật	Thắng	11/05/1982	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
503	CH290777	Nguyễn Đức	Thắng	19/11/1997	K29E	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
504	CH290698	Bùi Quang	Thắng	28/10/1987	K29E	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
505	CH290417	Nguyễn Mạnh	Thắng	12/10/1994	K29H	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
506	CH290484	Tạ Đức	Thắng	10/11/1990	K29H	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
507	CH290923	Lưu Quang	Thắng	29/08/1978	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
508	CH290697	Lê Minh	Thắng	03/10/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
509	CH291014	Phạm Quang	Thắng	14/08/1987	K29V	CĐR - ThS	15	B-208	Sáng
510	CH290326	Hoàng Việt	Thắng	24/08/1995	K29V_QTDN	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
511	CH291153	Nguyễn Khắc	Thắng	30/06/1994	K29X	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
512	CH291154	Hoàng Đình	Thắng	15/02/1992	K29Y	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
513	DHCC8126	Nguyễn Đức	Thắng	09/11/1981	Lãnh đạo DN K8	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
514	CH290324	Hoàng Thị	Thanh	01/10/1996	K29J	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
515	CH290165	Vũ Thị	Thanh	24/04/1986	K29TB_LKT	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
516	CH291044	Vũ Thị Hồng	Thanh	09/08/1988	K29V	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
517	CH291155	Đặng Thị	Thanh	22/02/1994	K29X	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
518	CH290689	Nguyễn Công	Thành	03/12/1995	K29L	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
519	CH290971	Lê Mậu	Thành	15/03/1982	K29T	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
520	CH290924	Nguyễn Văn	Thành	25/11/1983	K29V_QLKT	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
521	CH290325	Hồ Thu	Thảo	17/09/1993	K29B	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
522	CH290690	Lê Thị Phương	Thảo	06/05/1996	K29D	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
523	CH290068	Vũ Thị	Thảo	09/12/1988	K29F	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
524	CH290069	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/01/1997	K29F	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
525	CH290693	Nguyễn Thị	Thảo	19/05/1990	K29L	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
526	CH290694	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/10/1994	K29N	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
527	CH290972	Bùi Đình	Thảo	01/09/1993	K29T	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
528	CH290692	Nguyễn Thu	Thảo	21/07/1991	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GD thi	Ca thi
529	CH291045	Lê Thị	Thảo	11/09/1985	K29V	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
530	CH290695	Lê Bá	Thảo	29/10/1984	K29V_TCNH	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
531	CH291158	Phan Thị Phương	Thảo	02/05/1996	K29Z	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
532	CH291159	Phạm Thị	Thêu	08/10/1978	K29X	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
533	CH290699	Nguyễn Thị	Thi	06/09/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
534	CH290257	Hoàng Minh	Thi	15/02/1989	K29V_QLKT	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
535	CH290418	Vũ Quang	Thịnh	03/02/1991	K29H	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
536	CH290166	Lại Văn	Thịnh	30/08/1988	K29TB_LKT	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
537	CH290701	Vũ Thị Huyền	Thơ	25/03/1982	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
538	CH290185	Lê Thị	Thoa	27/07/1982	K29G	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
539	CH290700	Hoàng Kim	Thoa	07/10/1990	K29L	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
540	CH290258	Lê Thị Kim	Thoa	29/11/1991	K29V_QLKT	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
541	CH291160	Trần Thị	Thom	10/11/1992	K29Y	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
542	CH290327	Bùi Thị Hoài	Thu	12/12/1987	K29J	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
543	CH290705	Ngô Thị Minh	Thu	26/09/1989	K29M	CĐR - ThS	16	B-301	Sáng
544	CH290167	Phạm Thị	Thu	25/08/1987	K29TB_LKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
545	CH290926	Đặng Thị	Thu	22/03/1990	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
546	CH290259	Trần Thị	Thu	26/03/1988	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
547	CH290702	Bùi Thị Minh	Thu	05/02/1997	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
548	CH290703	Hồ Phương	Thu	14/10/1993	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
549	CH291161	Phạm Diệu	Thu	29/10/1998	K29Z	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
550	CH290818	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/01/1995	K29P	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
551	CH290859	Nguyễn Thị	Thư	20/12/1995	K29Q	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
552	CH290713	Bùi Anh	Thư	24/10/1987	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
553	CH270543	Đoàn Minh	Thuận	05/08/1986	K27E	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
554	CH290927	Trần Đức	Thuật	12/08/1986	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
555	CH290261	Mai Trí	Thức	14/02/1991	K29K	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
556	CH290715	Bùi Dương Hoài	Thương	14/04/1995	K29N	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
557	CH290928	Châu Hoài	Thương	05/01/1986	K29V_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
558	CH290716	Nguyễn Thị	Thương	13/04/1993	K29V_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
559	CH290346	Tạ Thị Thu	Thủy	24/10/1982	K29Q	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
560	CH290712	Nguyễn Thị	Thúy	14/09/1997	K29M	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
561	CH290854	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	25/03/1998	K29R	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
562	CH290974	Lô Diệu	Thúy	10/10/1993	K29T	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
563	CH290930	Đặng Thị	Thùy	17/01/1991	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
564	CH290419	Nguyễn Thanh	Thủy	01/02/1989	K29H	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
565	CH290707	Nguyễn Thị Thu	Thủy	23/09/1994	K29M	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
566	CH290855	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	08/01/1998	K29R	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
567	CH290929	Phan Thị	Thủy	05/07/1986	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
568	CH290260	Bùi Thị	Thủy	13/06/1983	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
569	CH290709	Đỗ Thị	Thủy	21/09/1992	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
570	CH291162	Trần Thị	Thủy	16/11/1986	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
571	CH290991	Hoàng Thị	Thủy	05/08/1996	K29V	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
572	DHCC9359	Trần Văn	Thủy	07/02/1980	Lãnh đạo DN B K9	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
573	CH290147	Lê Văn	Tiến	30/10/1993	K29C	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
574	CH290328	Đậu Quyết	Tiến	08/08/1989	K29V_QTDN	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
575	CH291166	Bùi Văn	Tiến	21/03/1987	K29Y	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
576	CH290262	Tô Văn	Tiếp	27/08/1985	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
577	CH291167	Nguyễn Văn	Tin	10/12/1998	K29X	CĐR - ThS	17	B-302	Sáng
578	CH290820	Lê Quốc	Toàn	03/08/1996	K29A	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
579	CH290186	Bùi Thị	Trà	24/04/1997	K29B	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
580	CH290931	Thái Thị	Trà	24/01/1991	K29Q	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
581	CH281190	Phan Thị Ngọc	Trâm	02/08/1990	CH28V_TCNH	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
582	CH291018	Bùi Ngọc	Trâm	15/05/1998	K29V	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
583	CH290732	Phạm Thị Khánh	Trân	30/06/1994	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
584	CH290081	Nguyễn Thị Hà	Trang	16/08/1997	K29A	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
585	CH290075	Hoàng Thị Huyền	Trang	08/10/1993	K29A	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
586	CH290728	Lê Thị Quỳnh	Trang	08/06/1996	K29D	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
587	CH290772	Đinh Thị Đài	Trang	10/10/1991	K29E	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
588	CH290140	Đỗ Thị	Trang	12/12/1997	K29E	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
589	CH290079	Bùi Thị Thu	Trang	01/10/1993	K29F	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
590	CH290386	Phạm Thu	Trang	28/08/1988	K29G	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
591	CH290378	Nguyễn Thị	Trang	18/03/1995	K29G	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
592	CH290489	Đậu Thị Quỳnh	Trang	03/02/1991	K29H	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
593	CH290424	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	14/07/1994	K29H	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
594	CH290274	Phạm Hương	Trang	18/02/1996	K29K	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
595	CH290725	Lê Quỳnh	Trang	05/03/1990	K29L	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
596	CH290721	Doãn Huyền	Trang	04/03/1994	K29L	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
597	CH290896	Nguyễn Hồng	Trang	15/10/1981	K29Q	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
598	CH290845	Phùng Mai	Trang	03/11/1998	K29R	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
599	CH290857	Đỗ Huyền	Trang	07/03/1994	K29R	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
600	CH290730	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/08/1989	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
601	CH290718	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/12/1991	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
602	CH291047	Phạm Hà	Trang	27/04/1997	K29V	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
603	CH290264	Phan Thị Hồng	Trang	19/07/1981	K29V_QLKT	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
604	CH290729	Đào Thị	Trang	07/07/1987	K29V_TCNH	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
605	CH291171	Quách Thị Hà	Trang	01/01/1996	K29X	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
606	CH291169	Vũ Hoài	Trang	03/12/1989	K29X	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
607	CH291170	Nguyễn Thị Thảo	Trang	05/12/1997	K29X	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
608	CH291173	Bùi Minh	Trang	21/03/1993	K29Y	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
609	CH291174	Hà Ngọc	Trang	12/05/1992	K29Y	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
610	DHCC7154	Lê Thị Thu	Trang	06/08/1986	Lãnh đạo DN A K7	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
611	CH290333	Châu Ngọc	Trí	13/09/1988	K29V_QTDN	CĐR - ThS	18	B-303	Sáng
612	CH290168	Nguyễn Hải	Triều	26/09/1977	K29TB_LKT	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
613	CH290331	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	21/10/1985	K29B	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
614	CH290734	Đoàn Quốc	Trọng	05/03/1997	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
615	CH290425	Phạm Văn	Trung	22/05/1997	K29C	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
616	CH290083	Nguyễn Thành	Trung	14/10/1998	K29F	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
617	CH290334	Phạm Thành	Trung	25/07/1992	K29J	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
618	CH290736	Vũ Đức	Trung	05/03/1996	K29L	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
619	CH290738	Đặng Quốc	Trung	08/09/1996	K29L	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
620	CH290735	Nguyễn Việt	Trung	30/11/1994	K29N	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
621	CH291176	Nguyễn Ngọc	Trung	24/12/1991	K29X	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
622	CH291175	Nguyễn Văn	Trung	22/06/1988	K29Z	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
623	CH290169	Nguyễn Xuân	Trường	15/02/1985	K29TB_LKT	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
624	CH290940	Chu Xuân	Trường	25/12/1993	K29V	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
625	CH261623	Mai Thế	Trường	32522	K26TH2	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
626	CH290754	Phạm Cẩm	Tú	09/07/1996	K29M	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
627	CH290752	Nguyễn Thanh	Tú	13/02/1996	K29N	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
628	CH290751	Nguyễn Ngọc	Tú	30/07/1978	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
629	CH291048	Nguyễn Cẩm	Tú	12/05/1995	K29V	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
630	CH291178	Đinh Thị Ngọc	Tú	20/01/1989	K29V_TCNH	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
631	CH291177	Lê Thanh	Tú	30/10/1994	K29Y	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
632	CH290268	Nguyễn Minh	Tự	26/07/1986	K29K	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
633	CH290193	Lê Minh	Tuân	01/08/1993	K29K	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
634	CH290426	Vũ Mạnh	Tuấn	08/06/1989	K29H	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
635	CH290336	Lê Anh	Tuấn	25/12/1987	K29J	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
636	CH290194	Đỗ Anh	Tuấn	25/12/1984	K29K	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
637	CH290740	Đặng Đình	Tuấn	04/11/1989	K29L	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
638	CH290741	Đào Mạnh	Tuấn	03/06/1997	K29L	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
639	CH290977	Đặng Quốc	Tuấn	28/06/1997	K29T	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
640	CH290935	Nguyễn Cao Ngọc	Tuấn	10/11/1987	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
641	CH290743	Vũ Hùng	Tuấn	30/10/1996	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
642	CH290338	Hà Huy	Tuấn	28/04/1997	K29V_QTDN	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
643	CH291180	Đỗ Anh	Tuấn	15/09/1979	K29X	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
644	CH291182	Đỗ Như	Tuấn	30/11/1996	K29Y	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
645	CH291179	Nguyễn Mạnh	Tuấn	23/10/1993	K29Y	CĐR - ThS	19	B-304	Sáng
646	CH291181	Lê Anh	Tuấn	08/10/1995	K29Z	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
647	CH291019	Lê Huy	Tùng	10/01/1997	K29C	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
648	CH290339	Cao Duy	Tùng	27/12/1989	K29J	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
649	CH290890	Nguyễn Thanh	Tùng	16/12/1997	K29T	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
650	CH290267	Vũ Huy	Tùng	23/10/1993	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
651	CH290266	Nguyễn Xuân	Tùng	12/10/1990	K29TB_QLKT	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
652	CH290750	Trịnh Thanh	Tùng	15/12/1991	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
653	CH290749	Hà Thanh	Tùng	21/09/1990	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
654	CH291183	Nguyễn Thế	Tùng	04/11/1997	K29Y	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
655	CH290873	Ngô Thế	Tương	05/05/1977	K29TB_LKT	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
656	CH290744	Trịnh Thị	Tuyến	11/09/1992	K29L	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
657	CH280128	Hoàng Văn	Tuyến	23/08/1981	CH28KTKT(CTA)	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
658	CH291185	Nguyễn Thị	Tuyết	02/07/1989	K29X	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
659	CH290084	Đinh Tú	Uyên	11/08/1993	K29A	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
660	CH290755	Hoàng Thị Cẩm	Vân	07/03/1995	K29M	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
661	CH291186	Phạm Thị Thanh	Vân	27/04/1996	K29Z	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
662	CH290836	Bùi Anh	Văn	01/04/1997	K29R	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
663	CH290756	Phạm Hoàng	Việt	29/10/1997	K29L	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
664	CH291187	Phạm Hoàng	Việt	05/07/1987	K29X	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
665	CH290340	Đinh Văn	Vinh	25/08/1979	K29J	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
666	CH290341	Trần Công	Vinh	11/02/1989	K29V_QTDN	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
667	CH290981	Nguyễn Văn	Vinh	30/04/1985	K29V_QTDN	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
668	CH290758	Nguyễn Anh	Vũ	22/03/1996	K29V_TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
669	CH290757	Bùi Thị	Vui	08/11/1987	K29TB_TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
670	CH290759	Chu Quốc	Vương	10/04/1993	K29L	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
671	CH290760	Nguyễn Cẩm	Vy	14/01/1994	K29L	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
672	CH290761	Quách Thị	Xiêm	18/07/1995	K29N	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng

DANH SÁCH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2022

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi	Ca thi
673	CH290086	Lê Thị Diệu	Xuân	24/11/1992	K29A	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
674	CH290763	Nguyễn Ngọc	Yên	09/04/1978	K29TB TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
675	CH290088	Vũ Hải	Yên	10/06/1991	K29A	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
676	CH290196	Đỗ Hải	Yên	20/10/1997	K29K	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
677	CH290764	Bùi Thị	Yên	12/04/1982	K29TB TCNH	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng
678	CH291049	Lê Thị	Yên	02/03/1988	K29V	CĐR - ThS	20	B-305	Sáng